



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN (VICAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: ⁴⁸⁹⁶/QĐ-VPCNCLQG ngày 10 tháng 07 năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế
Tiếng Anh/ in English: International Certification Joint Stock Company

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 022 – GHG

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ đăng ký kinh doanh/ Registered address:

Ô 47 Lô 6 Đền Lừ 2, Phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
No. 47, Lot 6, Den Lu 2, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam

Địa chỉ văn phòng/ Office address:

C9, Lô 8, Khu đô thị mới Định Công, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
C9, Lot 8, Dinh Cong New Urban Area, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam

Tel: (+84) 913 748863

Website: <http://chungnhanquocte.vn>

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

- ISO/IEC 17029:2019
- ISO 14065:2020; ISO 14066:2023^(a); ISO 14064-3:2019

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ ngày/ from 10/07/2025 đến ngày/ to 27/02/2027





VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỜ CHỨC CHỨNG NHẬN (VICAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Thẩm định và/hoặc thẩm tra khí nhà kính cho các lĩnh vực sau/ *Validation and/or verification of greenhouse gas for the sectors as follow:*

Hoạt động/ Activity	Lĩnh vực/ Sector	Tiêu chuẩn/ Standard
Thẩm tra ở cấp độ tổ chức <i>Organization verification</i>	Sản xuất chung (biến đổi vật lý hoặc hóa học của vật liệu hoặc vật chất thành sản phẩm mới)/ <i>General Manufacturing (physical or chemical transformation of materials or substances into new products)</i>	ISO 14064-1:2018
	Sản xuất kim loại/ <i>Metals Production</i> ^(b)	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và các hình thức sử dụng đất khác/ <i>Agriculture, Forestry and Other Land Use (AFOLU)</i>	
Thẩm định, thẩm tra ở cấp độ dự án <i>Project validation and verification</i>	Công nghiệp năng lượng (nguồn tái tạo/ không tái tạo)/ <i>Energy Industries (renewable/ non-renewable sources)</i>	ISO 14064-2:2019
	Trồng rừng và tái trồng rừng/ <i>Afforestation and Reforestation</i>	

Ghi chú/ Note: Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *International Certification Joint Stock Company must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*

^(a) Cập nhật tiêu chuẩn/ *Updated to new version of standard*

^(b) Công nhận mở rộng 7/2025/ *Extended accreditation 7/2025.*